

Bản án số: 50/2021/DS-ST  
Ngày: 05 - 02 - 2021  
V/v: “T/c Hợp đồng gửi giữ tài sản”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**  
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông Hoàng Thế Viễn  
*Các Hội thẩm nhân dân:* ông Nguyễn Văn Soan  
bà Phạm Thị Bích Loan

**- Thư ký phiên tòa:** bà Nguyễn Thị Phương – Thư ký tòa án, Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa:** bà Lê Thị Thu Phương –Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/2020/TLST-DS ngày 24 tháng 02 năm 2020; về tranh chấp “Tranh chấp hợp đồng gửi giữ tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 113/2020/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2020; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 102/2020/QĐST-DS ngày 19 tháng 6 năm 2020; Quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số: 10/2020/QĐST-DS ngày 17 tháng 7 năm 2020; Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án dân sự số: 46/2020/QĐST-DS ngày 21 tháng 12 năm 2020, Thông báo mở lại phiên tòa số: 46/1/TB-TA ngày 21 tháng 12 năm 2020; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 08/2021/QĐST-DS ngày 12 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* bà Khương Vân Y, sinh năm 1964; địa chỉ:, Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, (có mặt).

*Bị đơn:* Công ty TNHH dịch vụ bảo vệ L; địa chỉ:, Phường C, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện theo pháp luật: ông Hoàng Văn A, sinh năm 1978; Chức danh: Giám đốc; chỗ ở hiện tại:, Phường C, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH dịch vụ bảo vệ L: ông Nguyễn Quốc T; Chức vụ: Trưởng phòng Hành chính – Nhân sự, (có mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 11 tháng 02 năm 2020, bản tự khai tại Tòa án và trình bày tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Khương Vân Y trình bày: ngày 10/12/2019 con gái bà Y là cháu Lê Bảo Q, sinh năm 2002 là học sinh lớp 12, Trường PTTH Nguyễn Thái Bình có đến ăn trưa tại cửa hàng B, Smat ở đường Lý Thường Kiệt, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh. Cháu Q có gửi chiếc xe đạp điện cho nhân viên bảo vệ của Công ty TNHH dịch vụ bảo vệ L (sau đây gọi tắt là Công ty) coi giữ để vào cửa hàng ăn cơm, nhưng bảo vệ Công ty đã làm mất chiếc xe đạp điện. Bà Y đã mua chiếc xe này để giao cho con đi học. Theo hóa đơn mua hàng tại cửa hàng số:, Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh do bà Y cung cấp thì bà mua xe đạp điện trên vào ngày 20/12/2018 với giá 9.900.000 đ (chín triệu chín trăm ngàn đồng) và hóa đơn mua bộ bình điện gồm 04 chiếc ắc quy vào ngày 15/10/2019 có giá 2.200.000 đ (hai triệu hai trăm ngàn đồng). Ngày 21/12/2019 bà Y có tới Văn phòng của Công ty để thỏa thuận về việc bồi thường chiếc xe bị mất nói trên, ông Nguyễn Quốc T đại diện cho Công ty có nêu mức bồi thường xe là 3.000.000 đ (ba triệu đồng). Bà Y không chấp nhận về mức bồi thường này và có gửi đơn khiếu nại lên Công ty, yêu cầu mức bồi thường là 70% giá trị chiếc xe nhưng Công ty không trả lời bà Y bằng văn bản mà chỉ qua ứng dụng Zalo trên mạng xã hội. Sau đó hai bên vẫn không thỏa thuận được mức bồi thường chiếc xe bị mất nên bà Y khởi kiện ra Tòa án.

Tòa án đã mời các bên tới để giải quyết vụ án trong quá trình chuẩn bị xét xử, tại phiên hòa giải ngày 12/5/2020 bà Y yêu cầu: Công ty bồi thường cho việc làm mất xe đạp điện cụ thể như sau: tiền giá trị xe là 9.000.000 đ (chín triệu đồng), tiền chi phí cho con bà Y đi học là 2.000.000 đ (hai triệu đồng), tiền chi phí cho việc đi giải quyết đòi bồi thường xe là 500.000 đ (năm trăm ngàn đồng), tổng cộng là: 11.500.000 đ (mười một triệu năm trăm ngàn đồng). Nếu Công ty bồi thường cho bà Y ngay trong phiên hòa giải thì bà Y chỉ yêu cầu Công ty bồi thường số tiền 7.000.000 đ (bảy triệu đồng) cho việc làm mất xe. Ông T trình bày: Công ty chỉ có thể bồi thường cho việc làm mất xe cho bà Y số tiền là 5.000.000 đ (năm triệu đồng).

Để có chứng cứ giải quyết vụ án, Tòa án có ra Quyết định định giá tài sản số: 100/2020/QĐ-ĐG ngày 04/12/2010 cùng các tài liệu là hóa đơn mua xe đạp điện và bộ bình điện như đã nêu trên và yêu cầu Công ty Cổ phần định giá và đầu tư kinh doanh bất động sản T định giá và được Công ty này có văn bản trả lời với

nội dung: “ Công ty Cổ phần định giá và đầu tư kinh doanh bất động sản T thông báo đơn giá chiếc xe đạp điện Martin EBM –A1 hãng xe Martin của bà Khương Vân Y ước tính khoảng 10.000.000 đồng (đã bao gồm giá trị gia tăng)”. Do tại phiên tòa ngày 12 tháng 01 năm 2021 ông T không đồng ý với kết quả định giá như trên của Công ty Cổ phần định giá và đầu tư kinh doanh bất động sản T và đề nghị Tòa án lựa chọn bất cứ Công ty nào có chức năng định giá tài sản trừ Công ty Cổ phần định giá và đầu tư kinh doanh bất động sản T định giá lại chiếc xe đạp điện trên. Trong thời gian tạm ngừng phiên tòa, Tòa án đã yêu cầu Công ty cổ phần đầu tư và thẩm định giá TP; địa chỉ trụ sở chính: , Phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh thẩm định giá tài sản tranh chấp trên. Ngày 02/02/2021, Công ty cổ phần đầu tư và thẩm định giá TP đã thông báo mức giá sơ bộ tài sản thẩm định giá cho Tòa án như sau: “Xe đạp điện Martin EBM – A1 đã qua sử dụng có giá là 7.920.000 đ (bảy triệu chín trăm hai mươi ngàn đồng)”.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Y và ông T đồng ý với giá trị chiếc xe đạp điện là 7.920.000 đồng đúng như Công ty cổ phần đầu tư và thẩm định giá TP đã cung cấp.

Bà Y yêu cầu Công ty bồi thường tổng số tiền là 10.420.000 đồng, trong đó bao gồm: bồi thường chiếc xe đạp điện là 7.920.000 đồng, bồi thường 2.000.000 đồng là tiền bà phải chi phí cho con có phương tiện đi học sau khi mất xe, bồi thường chi phí bà phải đi lại yêu cầu Công ty bồi thường việc làm mất xe là 500.000 đồng.

Ông T chỉ chấp nhận bồi thường cho bà Y chiếc xe đạp số tiền 6.000.000 đồng, không chấp nhận yêu cầu bồi thường các chi phí khác như bà Y đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu ý kiến:

Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: theo các chứng cứ trong hồ sơ vụ án và lời khai của đương sự thì Viện kiểm sát thấy cần buộc bị đơn phải bồi thường cho nguyên đơn số tiền 7.920.000 đồng là giá trị chiếc xe đạp điện bị mất, không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về các chi phí khác do nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ. Vì vậy, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về tố tụng:

[3] Ngày 10/12/2019 con gái bà Y là cháu Lê Bảo Q có gửi chiếc xe đạp điện cho nhân viên bảo vệ của Công ty TNHH dịch vụ bảo vệ L (sau đây gọi tắt là Công ty) coi giữ, nhưng bảo vệ Công ty đã làm mất chiếc xe đạp điện. Bà Y khởi kiện ra Tòa án, quan hệ tranh chấp này là tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Công ty có trụ sở tại quận Gò Vấp, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp.

[4] Về nội dung:

[5] Đối với yêu cầu của nguyên đơn bồi thường giá trị chiếc xe, Hội đồng xét xử nhận thấy: bị đơn có thừa nhận việc làm mất xe như nguyên đơn đã trình bày. Nhưng hai bên chưa thống nhất được mức bồi thường. Theo các hóa đơn mua hàng tại cửa hàng số:, Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh mà bà Y cung cấp thì bà mua xe đạp điện trên vào ngày 20/12/2018 với giá 9.900.000 đ (chín triệu chín trăm ngàn đồng) và hóa đơn mua bộ bình điện gồm 04 chiếc ắc quy vào ngày 15/10/2020 có giá 2.200.000 đ (hai triệu hai trăm ngàn đồng). Theo giá mà Công ty Cổ phần định giá và đầu tư kinh doanh bất động sản T thông báo thì chiếc xe ước tính khoảng 10.000.000 đồng (đã bao gồm giá trị gia tăng). Nếu theo giá của Công ty cổ phần đầu tư và thẩm định giá TP thì chiếc xe đạp điện Martin EBM – A1 đã qua sử dụng có giá là 7.920.000 đ (bảy triệu chín trăm hai mươi ngàn đồng).

[6] Nay nguyên đơn và bị đơn đã thống nhất giá trị xe theo kết quả định giá của Công ty cổ phần đầu tư và thẩm định giá TP là 7.920.000 đồng. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả là 7.920.000 đ (bảy triệu chín trăm hai mươi ngàn đồng) vì làm mất xe. Bà Y không yêu Công ty phải trả tiền lãi đối với số tiền này. Nếu từ ngày bà Y có đơn yêu cầu thi hành án đối với số nợ trên mà bị đơn vẫn không trả tiền thì số tiền còn nợ sẽ được tính theo quy định của pháp luật kể từ ngày chậm trả tiền. Xét yêu cầu này của nguyên đơn phù hợp với khoản 4 Điều 557 Bộ luật dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử thống nhất buộc bị đơn phải trả nguyên đơn số tiền 7.920.000 đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[7] Kể từ khi bà Khương Vân Y có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty TNHH dịch vụ bảo vệ L chưa trả số tiền nêu trên thì hàng tháng Công ty TNHH

dịch vụ bảo vệ L còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[8] Đối với yêu cầu của nguyên đơn là buộc bị đơn bồi thường tổng số tiền chi phí khác do bị mất xe là 2.500.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu này không có mối liên hệ giữa quyền và nghĩa vụ trong hợp đồng gửi giữ tài sản vì bên làm mất tài sản thì chỉ phải bồi thường giá trị tài sản gửi giữ nếu để mất tài sản, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

[9] Bị đơn đã thừa nhận việc làm mất xe và giá trị xe sau khi định giá, bị đơn có ý kiến chỉ bồi thường cho nguyên đơn số tiền 6.000.000 đ (sáu triệu đồng) là không có cơ sở, nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: nguyên đơn phải chịu án phí đối với tổng số tiền 2.500.000 đồng là tiền chi phí khác mà nguyên đơn đã yêu cầu nhưng không được Hội đồng xét xử chấp nhận, cụ thể án phí nguyên đơn phải chịu là 300.000 đ (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền 387.500 đ (ba trăm tám mươi bảy ngàn năm trăm đồng) mà bà Y đã đóng tạm ứng án phí theo biên lai thu số: AA/2019/0025695 ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, hoàn lại cho bà Y 87.500 đ (tám mươi bảy ngàn năm trăm đồng). Công ty TNHH dịch vụ bảo vệ L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 396.000 đ (ba trăm chín mươi sáu ngàn đồng).

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 150, Điều 203, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 554, khoản 4 Điều 557 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

### **Tuyên xử:**

Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn:

Buộc Công ty TNHH dịch vụ bảo vệ L phải trả chủ sở hữu chiếc xe đạp điện Martin EBM – A1 là bà Khương Vân Y số tiền 7.920.000 đ (bảy triệu chín trăm hai mươi ngàn đồng), là tiền bồi thường chiếc xe đạp điện theo Hợp đồng gửi giữ tài sản ngày 10 tháng 12 năm 2019 giữa Công ty TNHH dịch vụ bảo vệ L Sepre 24 và cháu Lê Bảo Q là con của bà Y đối với chiếc xe đạp điện của bà Y, trả ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ khi bà Khương Vân Y có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty TNHH dịch vụ bảo vệ L chưa trả số tiền nêu trên thì hàng tháng Công ty TNHH dịch vụ bảo vệ L còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Án phí dân sự sơ thẩm: nguyên đơn phải chịu là 300.000 đ (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền 387.500 đ (ba trăm tám mươi bảy ngàn năm trăm đồng) mà bà Y đã đóng tạm ứng án phí theo biên lai thu số: AA/2019/0025695 ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, hoàn lại cho bà Y 87.500 đ (tám mươi bảy ngàn năm trăm đồng). Công ty TNHH dịch vụ bảo vệ L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 396.000 đ (ba trăm chín mươi sáu ngàn đồng).

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo các quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND TPHCM;
- VKSND q. GV
- THA DS q. GV;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(Đã ký tên, đóng dấu)

**Hoàng Thế Viễn**